

NGÔN NGỮ BẠO LỰC TRÊN MẠNG XÃ HỘI VÀ NGUY CƠ TỔN THƯƠNG TÂM LÝ Ở SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

DƯƠNG THỊ TUỆ
Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn giáo dục Happy Smile

Nhận bài ngày 04/4/2026. Sửa chữa xong 08/5/2026. Duyệt đăng 15/6/2026.

Abstract

The rapid development of social media has created a new communication environment, while simultaneously increasing instances of verbal violence in cyberspace. Students are a group that uses social media frequently and is heavily impacted by online interactions. This article clarifies violent language on social media and the risk of psychological harm among Vietnamese students. Based on this, the article proposes several solutions to prevent the risks of psychological harm among students due to violent language on social media in the context of current digital transformation.

Keywords: Verbal violence, violent language on social media, social media, students, psychological harm.

1. Đặt vấn đề

Mạng xã hội (MXH) đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của sinh viên (SV) hiện nay. Đây là không gian số cốt lõi nơi SV học tập, kết nối và giải trí, cung cấp công cụ trao đổi thông tin nhanh chóng nhưng cũng mang đến thách thức về quản lý thời gian, bảo mật cá nhân,... Các nền tảng như Facebook, TikTok, Instagram, X (Twitter) hay Threads không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là không gian học tập, giải trí và thể hiện bản thân. Tuy nhiên, cùng với những lợi ích mà môi trường số mang lại, các hình thức bạo lực ngôn từ trên MXH cũng ngày càng gia tăng. Trong môi trường đại học, SV đang ở giai đoạn hình thành bản sắc cá nhân, khẳng định giá trị bản thân và xây dựng các mối quan hệ xã hội. Do đó, các hành vi công kích, miệt thị hay xúc phạm trên MXH có thể gây ra những tổn thương tâm lý nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần, kết quả học tập và chất lượng cuộc sống. Do đó, nghiên cứu về ngôn ngữ bạo lực trên MXH và những nguy cơ tổn thương tâm lý ở SV Việt Nam hiện nay có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mạng xã hội và ngôn ngữ bạo lực trên mạng xã hội

2.1.1. Mạng xã hội

Khái niệm MXH, MXH trên Internet, MXH trực tuyến hay còn gọi MXH ảo là khái niệm mới được hình thành trong thập niên cuối của thế kỷ XX, bắt đầu bằng sự ra đời của Classmates.com (1995), SixDegrees (1997), kế đến là sự nở rộ của một loạt các trang mạng khác như Friendster (2002), Myspace, Bebo, Facebook (2004) và tại Việt Nam là Yobanbe (2006), Zingme (2009). Một cách chung nhất, MXH có thể hiểu là tập hợp các cá nhân với các mối quan hệ về một hay nhiều mặt được gắn kết với nhau.

Nghiên cứu về MXH trên quan hệ cá nhân - cộng đồng để tạo thành mạng lưới xã hội, theo tác giả Nguyễn Thị Lê Uyên, MXH là "Một tập hợp các mối quan hệ giữa các thực thể xã hội gọi chung là actor. Các thực thể xã hội này không nhất thiết chỉ là các cá nhân mà còn là các nhóm xã hội... Khi mạng lưới xã hội này được thiết lập và phát triển thông qua phương tiện truyền thông internet, nó

Email: Heratueduong@gmail.com

được hiểu là MXH ảo” (A. G. Philipo et al, 2024). Trên cơ sở tìm hiểu, tiếp thu nghiên cứu của các tác giả đi trước, tác giả Hoàng Thị Hải Yến đã tích hợp và đưa ra định nghĩa: MXH là một đại diện tiêu biểu của Web 2.0 mô phỏng các quan hệ xã hội thực. MXH tạo ra một hệ thống trên nền Internet kết nối các thành viên cùng sở thích với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian qua những tính năng như kết bạn, chat, e-mail, phim ảnh, voice chat... nhằm phục vụ những yêu cầu công cộng chung và những giá trị của xã hội (T. T. Prama et al, 2025). Thông qua sử dụng MXH, người sử dụng có thể trao đổi, truyền đi hoặc nhận được các nội dung chia sẻ về văn bản, video, hình ảnh, âm thanh... từ những người dùng khác. Với việc sử dụng các trang MXH, người dùng có thể liên kết được với 2 hay nhiều người cùng lúc thông qua việc thiết lập các mối quan hệ như bạn bè, người thân, đồng nghiệp...

2.1.2. Khái niệm ngôn ngữ bạo lực trên mạng xã hội

Ngôn ngữ bạo lực hay bạo lực ngôn từ là khái niệm còn khá mới ở Việt Nam. Trong tiếng Anh, bạo lực ngôn từ được hiểu là hành vi dùng ngôn từ để tấn công, công kích, xúc phạm một hoặc nhiều người. Trong tiếng Pháp, bạo lực ngôn từ là hành vi dùng lời nói nhằm mục đích gây đau đớn, làm tổn thương người khác, tấn công họ bằng các hình thức khác nhau như xúc phạm, lăng mạ, chửi bới, nhạo báng, chê bai, định kiến, tin đồn, phân biệt chủng tộc. Bạo lực ngôn từ mặc dù không để lại dấu vết có thể nhìn thấy bằng mắt thường nhưng lại có thể gây ra những tổn thương nghiêm trọng cho người khác, thậm chí phá hủy họ. Như vậy có thể hiểu, ngôn ngữ bạo lực trên MXH có thể hiểu là việc sử dụng lời nói, văn bản, hình ảnh hoặc biểu tượng mang tính xúc phạm, đe dọa, chế giễu, miệt thị hoặc hạ thấp nhân phẩm của người khác trong môi trường trực tuyến. Các hành vi này có thể diễn ra công khai hoặc ẩn danh, với tốc độ lan truyền nhanh và phạm vi ảnh hưởng rộng hơn nhiều so với bạo lực trực tiếp. Trong thực tế, ngôn ngữ bạo lực có thể phân thành 2 loại: Hành vi có chủ định và hành vi không chủ định. Theo đó, hành vi có chủ định là hành vi của những người cố tình dùng ngôn từ để tấn công, công kích cá nhân, tổ chức khác. Hành vi không chủ định là hành vi của những người do kém hiểu biết hoặc vô tình, cầu thả mà sử dụng ngôn từ lệch chuẩn vô hình làm tổn thương người khác, gây ảnh hưởng tới thanh danh, uy tín của cá nhân, tập thể (Chữ Mai Lan, Nguyễn Thị Lan Anh và Trần Thị Huyền, 2022, tr. 39-40). Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), bạo lực và bắt nạt là những yếu tố nguy cơ quan trọng đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên; khoảng 1/7 người trong độ tuổi từ 10-19 đang phải đối mặt với các vấn đề sức khỏe tâm thần, trong đó lo âu và trầm cảm là những rối loạn phổ biến nhất.

Ngôn ngữ bạo lực trên MXH là một dạng biểu hiện của bạo lực mạng (cyberbullying). Theo các nghiên cứu quốc tế, hành vi này bao gồm: Chửi bới, lăng mạ; miệt thị ngoại hình; công kích nhân cách; tung tin đồn thất thiệt; đe dọa trực tuyến; kỳ thị giới tính, vùng miền, tôn giáo hoặc dân tộc; bình luận mang tính thù ghét (hate speech)... Các hành vi trên thường được thực hiện thông qua bình luận, tin nhắn riêng tư, video, hình ảnh hoặc các bài đăng công khai. Nghiên cứu tổng quan của Philipo và cộng sự cho thấy bạo lực mạng đã trở thành một trong những thách thức nghiêm trọng của thời đại số, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe tâm lý và thể chất của nạn nhân (A. G. Philipo et al, 2024). So với bạo lực ngôn từ trong đời thực, ngôn ngữ bạo lực trên MXH có một số đặc điểm nổi bật: Tính ẩn danh cao khiến người thực hiện ít chịu áp lực về trách nhiệm xã hội; khả năng lan truyền nhanh và lưu trữ lâu dài làm gia tăng mức độ tổn thương đối với nạn nhân; tính công khai của MXH khiến số lượng người chứng kiến rất lớn, từ đó làm tăng cảm giác xấu hổ và cô lập; nạn nhân khó thoát khỏi sự tấn công bởi các thiết bị số luôn hiện diện trong đời sống hằng ngày.

2.1.3. Thực trạng ngôn ngữ bạo lực trên mạng xã hội và nguy cơ tổn thương tâm lý đối với sinh viên Việt Nam

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và MXH đã làm thay đổi căn bản phương thức giao tiếp của con người, đặc biệt là giới trẻ. Tại Việt Nam, Facebook, TikTok, Instagram, YouTube, Threads và các nền tảng nhắn tin trực tuyến đã trở thành không gian giao tiếp quan trọng của SV. Không chỉ phục

vụ học tập, giải trí và kết nối xã hội, MXH còn là nơi thể hiện quan điểm, xây dựng hình ảnh cá nhân và tham gia các hoạt động cộng đồng. Cùng với những lợi ích đó là sự gia tăng đáng kể của các hành vi bạo lực ngôn từ trên không gian mạng. Trong môi trường số, những hành vi sử dụng lời nói, câu chữ, hình ảnh hoặc biểu tượng mang tính xúc phạm, miệt thị, đe dọa, kỳ thị hoặc hạ thấp nhân phẩm người khác thường xuất hiện dưới dạng bình luận công kích, chế giễu ngoại hình, lan truyền tin đồn, phát ngôn thù ghét (hate speech), xúc phạm danh dự hoặc cô lập xã hội trực tuyến.

Theo UNICEF, bắt nạt trực tuyến là hành vi sử dụng công nghệ số nhằm đe dọa, làm tổn thương, làm xấu hổ hoặc xúc phạm người khác. Các hình thức phổ biến bao gồm đăng tải hình ảnh gây xấu hổ, phát tán thông tin sai lệch, gửi tin nhắn mang tính đe dọa hoặc công kích cá nhân trên các nền tảng MXH. Đặc điểm đáng lo ngại của ngôn ngữ bạo lực trên MXH là khả năng lan truyền nhanh chóng, phạm vi ảnh hưởng rộng và tính ẩn danh cao. Trong nhiều trường hợp, người thực hiện hành vi công kích không phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước nạn nhân, từ đó làm gia tăng mức độ cực đoan trong phát ngôn. Một bình luận xúc phạm có thể được chia sẻ, lan truyền tới hàng nghìn người chỉ trong thời gian ngắn, tạo ra áp lực tâm lý lớn đối với người bị công kích. Đối với SV - nhóm có thời gian sử dụng MXH cao và đang trong giai đoạn hoàn thiện bản sắc cá nhân - những tác động này càng trở nên nghiêm trọng. Không gian mạng ngày nay không còn đơn thuần là môi trường giao tiếp mà đã trở thành một phần của đời sống xã hội, nơi các giá trị, niềm tin và cảm xúc cá nhân thường xuyên được thể hiện và đánh giá công khai.

Lứa tuổi thanh niên thường hiếu kỳ, hiếu thắng, dễ bốc đồng, khả năng kiểm soát cảm xúc và hành vi còn hạn chế. Đây là giai đoạn quan trọng để hình thành quan điểm xã hội, quan điểm về cuộc sống và các giá trị tinh thần. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đặc điểm sinh học họ lại chưa hoàn toàn đủ chín chắn, có thể thiếu định hướng trong tư tưởng, chưa có đủ khả năng để xử lý những vấn đề của bản thân, do đó khi bị người đánh giá và bị tác động, ảnh hưởng bởi cảm xúc và lối sống của người khác có thể dẫn đến lựa chọn sai các giá trị khi tham gia MXH. Các nghiên cứu quốc tế và trong nước đều cho thấy mức độ phổ biến ngày càng cao của bạo lực mạng trong giới trẻ. Kết quả khảo sát U-Report do UNICEF và Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký Liên hợp quốc về chống bạo lực trẻ em thực hiện trên hơn 170.000 thanh thiếu niên tại 30 quốc gia cho thấy cứ ba người trẻ thì có một người từng là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến. Đáng chú ý, 20% số người được hỏi cho biết họ từng nghỉ học vì bị bắt nạt hoặc bạo lực trên mạng (OpenDevelopmentVietnam, 2019). Riêng tại Việt Nam, kết quả khảo sát tháng 4/2019 của UNICEF tại Việt Nam cho thấy, 21% thanh niên tham gia khảo sát cho biết họ là nạn nhân của bắt nạt trên mạng (Chữ Mai Lan, Nguyễn Thị Lan Anh và Trần Thị Huyền, 2022, tr. 42). Đồng thời, khoảng 75% người trẻ không biết hoặc không tiếp cận được các dịch vụ hỗ trợ khi gặp phải bạo lực mạng. Gần $\frac{3}{4}$ số người được hỏi cho rằng các nền tảng MXH là nơi phổ biến nhất xảy ra các hành vi bắt nạt trực tuyến. Mặc dù số liệu trên tập trung vào thanh thiếu niên nói chung nhưng xét về đặc điểm sử dụng Internet, SV đại học được đánh giá là nhóm có nguy cơ cao. Đây là nhóm thường xuyên tham gia các diễn đàn học tập, hội nhóm trực tuyến, cộng đồng MXH và các nền tảng chia sẻ nội dung. Vì vậy, khả năng tiếp xúc với các bình luận tiêu cực, phát ngôn thù ghét hoặc hành vi công kích cá nhân cũng cao hơn.

Trong những năm gần đây, không ít vụ việc SV trở thành tâm điểm của các cuộc “tấn công mạng” đã thu hút sự chú ý của dư luận. Nhiều trường hợp xuất phát từ một phát ngôn cá nhân, một đoạn video ngắn hoặc một bài đăng trên MXH nhưng nhanh chóng bị cộng đồng mạng chỉ trích, xúc phạm hoặc chế giễu. Hiện tượng “ném đá tập thể” (online shaming) đã khiến nhiều SV phải khóa tài khoản MXH, ngừng tham gia các hoạt động cộng đồng hoặc tìm kiếm hỗ trợ tâm lý.

Kết quả khảo sát hàng trăm SV tại 3 trường đại học gồm: Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh từ 25/3 đến 10/4/2023 cho thấy, có tới 99,9% SV sử dụng điện thoại, máy tính, máy tính bảng hay các thiết bị số và MXH. Trong đó, 56% người dùng đã từng bị tấn công, đánh cắp thông tin, mất khẩu tài khoản trong quá trình sử dụng. 69% SV tham gia khảo

sát cho hay từng là nạn nhân của bạo lực trên mạng bằng nhiều hình thức. Cụ thể là: từng bị người khác bình luận miệt thị khi đăng tải thông tin và hình ảnh trên MXH; bị người khác gửi các thông tin, hình ảnh, video mang tính chất không lành mạnh; bị người khác phát ngôn, đăng tải, lan truyền thông tin, hình ảnh nhằm bôi nhọ, xúc phạm; bị người khác tiết lộ thông tin bí mật đời tư, gia đình trên mạng.... Khảo sát cũng cho thấy, SV có thể là người thực hiện những hành vi bạo lực trên không gian mạng một cách trực tiếp hay gián tiếp, cố ý hay vô ý (Hà Ánh, 2023). Đáng chú ý, khác là sự xuất hiện ngày càng phổ biến của các ngôn từ thù ghét liên quan đến giới tính, vùng miền, ngoại hình và điều kiện kinh tế. Trong môi trường trực tuyến, SV dễ trở thành đối tượng của các bình luận kỳ thị nếu có quan điểm khác biệt hoặc không đáp ứng các chuẩn mực được cộng đồng mạng đặt ra. Thực tiễn cho thấy, Khi thường xuyên phải tiếp xúc với các bình luận mang tính miệt thị, công kích hoặc ngôn từ thù ghét liên quan đến giới tính, vùng miền, ngoại hình hay điều kiện kinh tế, SV dễ rơi vào trạng thái căng thẳng tâm lý kéo dài. Những lời lẽ tiêu cực này không chỉ làm tổn thương danh dự và lòng tự trọng mà còn tạo cảm giác bị cô lập, bị từ chối và mất an toàn trong không gian số. Đặc biệt, đối với những SV có khả năng điều chỉnh cảm xúc còn hạn chế hoặc vốn có lòng tự trọng thấp, tác động của bạo lực ngôn từ thường nghiêm trọng hơn, làm gia tăng nguy cơ xuất hiện các triệu chứng lo âu, trầm cảm và căng thẳng tâm lý.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra việc trở thành nạn nhân của bạo lực ngôn từ trực tuyến có mối liên hệ chặt chẽ với sự suy giảm sức khỏe tinh thần. Theo báo cáo của UNICEF (2021), thanh thiếu niên thường xuyên bị bắt nạt trên môi trường mạng có nguy cơ xuất hiện các triệu chứng lo âu và trầm cảm cao hơn đáng kể so với nhóm không bị bắt nạt. Trong bối cảnh Việt Nam, SV thường dành nhiều giờ mỗi ngày trên các nền tảng MXH, khiến họ liên tục tiếp xúc với các bình luận tiêu cực và áp lực từ dư luận trực tuyến. Khi các nội dung công kích được lan truyền rộng rãi, được chia sẻ hoặc bình luận với tốc độ nhanh, cảm giác xấu hổ và tổn thương của nạn nhân cũng bị khuếch đại, dẫn đến hiện tượng tự ti, né tránh giao tiếp xã hội, giảm động lực học tập và hạn chế tham gia các hoạt động tập thể. Không dừng lại ở những phản ứng cảm xúc tức thời, bạo lực ngôn từ còn có thể tạo ra những hậu quả tâm lý lâu dài. SV bị công kích kéo dài thường hình thành nhận thức tiêu cực về bản thân, mất niềm tin vào các mối quan hệ xã hội và có xu hướng tự kiểm duyệt khi bày tỏ quan điểm trên không gian mạng. Điều này làm giảm khả năng giao tiếp, sáng tạo và tham gia tranh luận học thuật - những năng lực quan trọng trong môi trường giáo dục đại học. Trong những trường hợp nghiêm trọng, sự tích tụ của cảm xúc tiêu cực có thể dẫn đến rối loạn lo âu, trầm cảm, mất ngủ, kiệt sức về cảm xúc, thậm chí xuất hiện ý nghĩ tự làm hại bản thân của SV. Vì vậy, bạo lực ngôn từ trên MXH không chỉ là vấn đề về văn hóa ứng xử trực tuyến mà còn là một nguy cơ đáng báo động đối với sức khỏe tâm thần của SV đòi hỏi sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, các nền tảng số và chính bản thân SV nhằm xây dựng môi trường mạng an toàn, nhân văn và tôn trọng sự khác biệt.

2.2. Nguy cơ tổn thương tâm lý từ ngôn ngữ bạo lực trên mạng xã hội ở sinh viên Việt Nam

2.2.1. Lo âu và căng thẳng tâm lý

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), bạo lực và bắt nạt là những yếu tố nguy cơ quan trọng đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên. Các trải nghiệm tiêu cực trong môi trường xã hội, bao gồm môi trường số, có thể làm gia tăng nguy cơ xuất hiện các rối loạn lo âu và căng thẳng tâm lý. Theo đó, lo âu là một trong những phản ứng phổ biến nhất khi SV trở thành đối tượng bị ngôn ngữ bạo lực trên MXH. Những lời chỉ trích, xúc phạm hoặc chế giễu công khai thường tạo ra cảm giác bất an, sợ hãi và áp lực tâm lý kéo dài. Đối với SV, áp lực này thường biểu hiện qua việc liên tục theo dõi phản hồi trên MXH, lo sợ bị đánh giá tiêu cực hoặc ám ảnh về những bình luận công kích. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều trường hợp, SV thường có xu hướng thu mình, hạn chế giao tiếp hoặc né tránh các hoạt động xã hội để giảm nguy cơ tiếp tục bị chỉ trích.

2.2.2. Trầm cảm và suy giảm sức khỏe tinh thần

Bên cạnh lo âu, trầm cảm là hậu quả tâm lý nghiêm trọng thường được ghi nhận ở những người

thường xuyên phải tiếp xúc với ngôn ngữ bạo lực. WHO cho biết khoảng 14,3% thanh thiếu niên trên toàn thế giới đang gặp các vấn đề sức khỏe tâm thần; trong đó trầm cảm và lo âu là những rối loạn phổ biến nhất (World Health Organization, 2025). Tổ chức này cũng nhấn mạnh rằng việc tiếp xúc với bạo lực, bắt nạt và các trải nghiệm tiêu cực trong môi trường xã hội là những yếu tố làm gia tăng đáng kể nguy cơ trầm cảm.

Đối với SV Việt Nam, những lời miệt thị hoặc phủ nhận giá trị cá nhân trên MXH có thể làm suy giảm cảm giác tự tin và giá trị bản thân. Nếu tình trạng này kéo dài, người học có thể xuất hiện các biểu hiện như mất hứng thú với học tập, giảm động lực phấn đấu, rối loạn giấc ngủ, mệt mỏi kéo dài và cảm giác vô vọng. Đặc biệt, trong bối cảnh MXH khuyến khích việc so sánh xã hội, SV không chỉ chịu tác động từ các bình luận tiêu cực mà còn bị ảnh hưởng bởi các chuẩn mực thành công và hình ảnh lý tưởng được lan truyền trên môi trường số. Điều này làm gia tăng cảm giác tự ti và áp lực tâm lý.

2.2.3. Suy giảm lòng tự trọng

Lòng tự trọng là sự đánh giá tích cực của cá nhân đối với giá trị bản thân. Đây là một trong những yếu tố bảo vệ quan trọng đối với sức khỏe tâm thần. Tuy nhiên, khi thường xuyên trở thành đối tượng của các phát ngôn công kích, nhiều SV có thể nảy sinh những nghi ngờ năng lực và giá trị của chính mình. Đặc biệt, những bình luận xúc phạm ngoại hình, thành tích học tập hoặc hoàn cảnh gia đình đều có tác động trực tiếp đến nhận thức bản thân của SV. Những người có lòng tự trọng thấp thường dễ bị ảnh hưởng bởi các đánh giá tiêu cực từ bên ngoài hơn so với những người có lòng tự trọng cao. Do đó, ngôn ngữ bạo lực trên MXH không chỉ gây tổn thương tức thời mà còn làm xói mòn nền tảng tâm lý của người học trong thời gian dài.

2.2.4. Gia tăng nguy cơ tự cô lập xã hội

Một trong những hệ quả ít được chú ý nhưng rất phổ biến là xu hướng tự cô lập xã hội. Sau khi trải qua các trải nghiệm tiêu cực trên MXH, nhiều SV có xu hướng hạn chế chia sẻ quan điểm, giảm tương tác trực tuyến và tránh tham gia các hoạt động cộng đồng. Điều này làm suy giảm các mối quan hệ xã hội tích cực và khiến họ mất đi nguồn hỗ trợ tinh thần quan trọng. Đây là những yếu tố nguy cơ đáng kể đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên và người trẻ tuổi.

2.2.5. Nguy cơ tự làm hại bản thân và ý nghĩ tự sát

Đây là hậu quả nghiêm trọng nhất của bạo lực mạng. Theo WHO, 2023, mỗi năm, hơn 720.000 người trên thế giới chết vì tự sát. Tự sát là nguyên nhân tử vong đứng thứ 3 trong nhóm tuổi 15-29, chỉ sau tai nạn giao thông và bạo lực liên quan đến thanh thiếu niên (Lê Thị Thu Nguyệt, 2025). Mặc dù chưa có nhiều nghiên cứu quy mô lớn dành riêng cho SV Việt Nam nhưng các chuyên gia tâm lý đều cảnh báo rằng những hành vi công kích tập thể trên MXH có thể để lại hậu quả nghiêm trọng đối với những người có khả năng chống chịu tâm lý thấp. Từ các phân tích trên có thể thấy, ngôn ngữ bạo lực trên MXH đang trở thành một vấn đề đáng lo ngại đối với SV Việt Nam. Sự phát triển của công nghệ số không chỉ mở rộng cơ hội giao tiếp mà còn làm gia tăng nguy cơ tiếp xúc với các hành vi công kích, xúc phạm và thù ghét trong môi trường trực tuyến. Các số liệu của UNICEF cho thấy hơn 1/5 thanh thiếu niên Việt Nam từng là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến, trong khi phần lớn chưa biết cách tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ khi gặp vấn đề. Những trải nghiệm này có thể dẫn đến hàng loạt hệ quả tiêu cực như lo âu, trầm cảm, suy giảm lòng tự trọng, tự cô lập xã hội và thậm chí là ý nghĩ tự sát. Thực trạng trên đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở giáo dục đại học trong việc xây dựng môi trường học tập số an toàn, tăng cường giáo dục văn hóa ứng xử trên không gian mạng và phát triển các chương trình hỗ trợ sức khỏe tâm thần cho SV. Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành Giáo dục mà còn là trách nhiệm chung của gia đình, xã hội và các nền tảng công nghệ nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện của thế hệ trẻ trong kỷ nguyên số.

Xem tiếp trang 319